

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh
của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1465/QĐ-KĐCLGDTL ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 23 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 36 chương trình đào tạo của các Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Trường Đại học Tây Bắc, Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Cao đẳng Huế, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 23 ngày 25 và 26 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 44 tiêu chí chiếm 88%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐHKH, ĐHTN;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh
của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số 160/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1					Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 1.1	4	3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2					Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4	3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8		4,00	5	100
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3					Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4	3,67	2	66,67%	Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4					Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 4.1	4	4,00	3	100	Tiêu chí 9.1	4	4,00	4	80
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	3			
Tiêu chuẩn 5					Tiêu chí 9.4	5			
Tiêu chí 5.1	4	3,80	4	80	Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		4,17	6	100
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6					Tiêu chí 10.4	5			
Tiêu chí 6.1	4	4,00	7	100	Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11		3,80	4	80
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	3			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.4	4			
					Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,92	44	88



Phụ lục II

KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số 160/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên, giai đoạn 2020 - 2025 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học trong Luật giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xây dựng, tương thích với mục tiêu của CTĐT, bao quát được yêu cầu chung và chuyên biệt mà người học cần đạt được. Chuẩn đầu ra của CTĐT được rà soát, điều chỉnh định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường trên cơ sở tham khảo các góp ý của các bên liên quan và được công bố công khai.

2. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật, được rà soát trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan, được công bố công khai trên website, phổ biến đến các bên liên quan thông qua các tài liệu quảng bá về CTĐT. Đề cương chi tiết các học phần được xây dựng theo mẫu thống nhất, ban hành chính thức và đảm bảo đầy đủ thông tin cần thiết, được rà soát, cập nhật và cung cấp cho người học vào đầu học kỳ bằng nhiều hình thức.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT có cấu trúc, trình tự logic. Đề cương chi tiết các học phần được thiết kế theo quy định chung có đầy đủ thông tin theo quy định. Các phương pháp dạy học, cách thức tổ chức hoạt động dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá được thiết kế cơ bản tương thích, phù hợp, thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra. Chương trình dạy học có cấu trúc hợp lý, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

4. Triết lý giáo dục được Nhà trường tuyên bố chính, công bố công khai, được phổ biến đến giảng viên, người học và các bên liên quan. Hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế linh hoạt, đa dạng giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt chuẩn đầu ra. Các hoạt động dạy học cơ bản có tích hợp hoạt động tự học giúp người học hướng tới hình thành kỹ năng thiết yếu, năng lực tự học, tự nghiên cứu, thúc đẩy kỹ năng và thái độ học tập suốt đời.

5. Các văn bản quy định về công tác đào tạo, quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đầy đủ và rõ ràng, thể hiện đầy đủ hướng dẫn, yêu cầu về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được công bố công khai tới người

học. Phương pháp kiểm tra đánh giá cơ bản được thiết kế phù hợp, đa dạng bao gồm đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ dưới nhiều hình thức đánh giá. Quy định về phản hồi kết quả đánh giá và quy trình khiếu nại kết quả học tập và các được công bố công khai, kịp thời đến giảng viên và người học. Việc thực hiện phản hồi kết quả đánh giá người học được tiến hành đúng thời gian quy định, giúp người học điều chỉnh kịp thời các hoạt động học tập để cải thiện chất lượng.

6. Đội ngũ giảng viên được quy hoạch theo chiến lược phát triển của Trường theo từng giai đoạn, đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ của CTĐT đảm bảo yêu cầu theo quy định. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí việc làm, làm cơ sở để đánh giá, xếp loại. Nhà trường/Khoa thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu theo quy định. Công tác quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên được Nhà trường/Khoa thực hiện theo quy định. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát để cải tiến chất lượng.

7. Đội ngũ nhân viên được quy hoạch dựa trên dự báo nhu cầu hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên ở thư viện, phòng thí nghiệm, công nghệ thông tin và các đơn vị hỗ trợ đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng và ổn định. Nhà trường có quy định, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng và công khai. Công tác đánh giá năng lực được thực hiện thường xuyên với tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ cao. Việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai hiệu quả, có cơ chế khen thưởng, công nhận và đăng ký kế hoạch công tác hằng năm cho viên chức, người lao động.

8. Chính sách, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được thể hiện rõ ràng, minh bạch và có sự cải tiến qua các năm. Hệ thống giám sát học tập và rèn luyện được thiết lập có cơ cấu tổ chức, quy trình vận hành rõ ràng và được quy định cụ thể trong các văn bản của Trường. Việc ứng dụng công nghệ thông tin qua các phần mềm quản lý đã bước đầu hỗ trợ hiệu quả cho công tác theo dõi và xử lý kết quả của sinh viên. Hoạt động hỗ trợ người học đa dạng, phong phú, từ tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, đến hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp, kết nối với doanh nghiệp để tạo cơ hội thực tập chuyên môn cho sinh viên. Nhà trường tạo dựng được môi trường học tập đảm bảo an toàn, vệ sinh và thân thiện, được định hướng bởi các quy định rõ ràng về văn hóa ứng xử. Các hoạt động đảm bảo an ninh, an toàn, phòng cháy chữa cháy, y tế học đường được triển khai bài bản, tạo sự yên tâm cho người học.

9. Trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, và các phòng chức năng cùng các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện hiện đại, kết hợp hài hòa giữa không gian mở, với nhiều tiện ích dành cho cá nhân, nhóm và cộng đồng; nguồn lực thông tin đa dạng, cập nhật và truy cập mở tới một số thư viện trong nước, quốc tế; được quản lý, vận hành bởi phần mềm ElibLRC, công nghệ RFID, hạ tầng số. Sinh viên được cung cấp đầy

đủ phòng thực hành tin học và thực hành nghiệp vụ chuyên môn với trang thiết bị chuyên dụng để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật bảo đảm cho hệ thống hoạt động ổn định và an toàn. Các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn được ban hành và áp dụng như vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, giảng viên, sinh viên, tập huấn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ trật tự an ninh, an toàn xã hội.

10. Hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT của Nhà trường được rà soát và cải tiến trong chu kỳ đánh giá. Quy định việc rà soát, đánh giá các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học nhằm đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra. Giảng viên của CTĐT tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có các nghiên cứu ứng dụng vào giảng dạy cũng như cải tiến hoạt động dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định từ Ban giám hiệu đến các cơ quan đơn vị và cụ thể từng đối tượng của Nhà trường, được đánh giá và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phản hồi của các bên liên quan.

11. Hoạt động quản lý tiến độ học tập, tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học của người học toàn Trường được thực hiện dựa trên phần mềm quản lý chung. Trên cơ sở dữ liệu thống kê, phân tích, tìm hiểu nguyên nhân của các trường hợp chậm tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học đã đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên các CTĐT sau 1 năm tốt nghiệp, dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp được cập nhật. Xác định đầy đủ nội dung và hình thức nghiên cứu khoa học của sinh viên. Thực hiện các hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên, người học về các lĩnh vực đào tạo, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát mục tiêu của CTĐT phù hợp với lộ trình đạt tiêu chuẩn chất lượng để hội nhập quốc tế như đã tuyên bố trong sứ mệnh và tầm nhìn, nhấn mạnh năng lực nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp và năng lực số mà người học cần đạt; tăng cường việc lấy ý kiến của các bên liên quan, đa dạng hóa về đối tượng, tăng số lượng tham gia khảo sát, phân tích đánh giá những thông tin thu thập được một cách chuyên sâu phục vụ cho việc cải tiến CTĐT và chuẩn đầu ra; thể hiện rõ phản ánh yêu cầu của các bên liên quan về chuẩn đầu ra của CTĐT.

2. Rà soát Bản mô tả CTĐT, hoàn thiện ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra và các học phần, điều chỉnh, bổ sung mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT; bổ sung đầy đủ đề cương chi tiết học phần trong CTĐT;

rà soát, bổ sung, cập nhật các giáo trình, tài liệu tham khảo trong đề cương chi tiết các học phần, đảm bảo tính cập nhật.

3. Tăng cường tập huấn, hướng dẫn giảng viên hoạt động thiết kế đề cương học phần và chương trình dạy học theo chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát, đánh giá tính tương thích và mức độ phù hợp của tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học; đa dạng hoá các phương thức đánh giá mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT bảo đảm tính khoa học, khách quan trong đánh giá.

4. Rà soát, đánh giá phương thức phổ biến triết lý giáo dục của Trường đến các bên liên quan; hướng dẫn hoạt động tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời; xây dựng cơ chế đánh giá năng lực tự học cho người học; tăng cường các hoạt động liên kết với các cơ quan, nhà sử dụng lao động liên quan đến CTĐT để tăng cường các hoạt động phối hợp giảng dạy, rèn luyện kỹ năng thực hành, học tập suốt đời và tăng cơ hội việc làm cho người học trong tương lai.

5. Tổ chức các hội thảo hướng dẫn các quy trình và thiết kế các tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp và công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT; đa dạng hóa các hình thức đánh giá để đo lường đầy đủ hơn các năng lực toàn diện của người học; tổ chức đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT dựa trên dữ liệu điểm kiểm tra đánh giá học phần; đánh giá của giảng viên, người học và các bên liên quan; cải tiến hình thức kiểm tra đánh giá các học phần kỹ năng thực hành ngôn ngữ và học phần chuyên ngành trên cơ sở tham khảo các phương pháp kiểm tra đánh giá ngôn ngữ tiên tiến trong nước và trên thế giới; tăng cường các biện pháp ứng dụng công nghệ thông tin để kiểm tra, giám sát việc lưu trữ, tính toán kết quả học tập của sinh viên, phục vụ tốt hơn các hoạt động phản hồi kết quả học tập, giải quyết khiếu nại của sinh viên khi có yêu cầu.

6. Rà soát đánh giá chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên, có giải pháp nâng tỷ lệ giảng viên là tiến sĩ trở lên của CTĐT; xác định đầy đủ, lượng hóa các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn bổ nhiệm, điều chuyển giảng viên dựa trên bộ năng lực của giảng viên, nghiên cứu viên đã xác định trong đề án vị trí việc làm; ban hành quy định đánh giá năng lực giảng viên với các tiêu chí được lượng hóa và tiến hành đánh giá năng lực giảng viên để phục vụ cho các mục đích khác nhau; có giải pháp nâng cao kết quả hoạt động khoa học của giảng viên tham gia giảng dạy các học phần chuyên nghiệp của CTĐT.

7. Rà soát kế hoạch, chiến lược phát triển Trường; chú trọng phân tích đầy đủ, toàn diện, chi tiết nhu cầu về đội ngũ nhân viên, cán bộ hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng làm cơ sở cho quy hoạch, tuyển dụng, nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên, cán bộ hỗ trợ; hoàn thiện chính sách tuyển dụng và bổ nhiệm nhằm thu hút, giữ chân được người có năng lực, có trình độ về làm việc tại các vị trí việc làm đặc thù ở một số đơn vị hỗ trợ; rà soát, cải tiến các tiêu chí đánh giá đội ngũ cán bộ, nhân viên, đảm bảo đánh giá đúng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên; thực hiện khảo sát nhu cầu, xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo yêu

cầu của vị trí việc làm; quy định rõ khối lượng công việc của nhân viên, cải tiến bảng phân công hoặc kế hoạch công tác cụ thể hàng năm; rà soát cải tiến việc lấy ý kiến góp ý của viên chức, người lao động đối với các chính sách, quy định, quy chế của Trường.

8. Thường xuyên khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về chính sách, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh; khảo sát, đánh giá nhu cầu của thị trường lao động, làm cơ sở để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp; đầu tư nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, bổ sung các chức năng tự động hóa việc thống kê, báo cáo và cảnh báo sớm kết quả và tiến độ học tập của người học; rà soát bộ công cụ khảo sát người học, bổ sung các tiêu chí mức độ hài lòng về chất lượng, hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ; xây dựng lộ trình cụ thể để thành lập bộ phận chuyên trách về tư vấn tâm lý học đường; triển khai các giải pháp hỗ trợ như tổ chức các hội thảo chuyên đề về sức khỏe tinh thần, kỹ năng quản lý cảm xúc, thiết lập các kênh tư vấn ẩn danh (email, hòm thư...) để sinh viên có địa chỉ tin cậy khi cần chia sẻ.

9. Xây dựng tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích và trang thiết bị chuyên dụng đáp ứng quy định của Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT; tối ưu hóa module quản lý thư viện trong không gian số và phát triển nguồn nhân lực vận hành, khai thác thư viện; xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị thực hành đáp ứng Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT và đánh giá dựa theo bộ tiêu chuẩn này; nâng cấp thiết bị tường lửa và các phần mềm diệt virus, hoàn thiện và tối ưu hóa các module quản lý, quản trị Trường; ban hành bộ tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn, điều chỉnh môi trường đáp ứng nhu cầu người khuyết tật.

10. Tăng số lượng lấy ý kiến đội ngũ các chuyên gia, các nhà khoa học cùng ngành từ các trường đại học, các cơ quan quản lý nhà nước, hội nghề nghiệp chuyên ngành khi xây dựng, rà soát phát triển CTĐT; tổ chức xin ý kiến các bên liên quan để rà soát, điều chỉnh lại quy định về lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan sao cho rõ ràng, cụ thể, phù hợp cho từng cơ quan, đơn vị, tổ chức hội nghị/hội thảo tổng kết, đánh giá công tác khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động khảo sát; xem xét tổng hợp các văn bản quy định về rà soát, đánh giá hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá người học, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ... thành một quy định cụ thể để các bộ môn/khoa dễ dàng thực hiện đầy đủ và thống nhất; đi sâu phân tích về sự phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần để cải tiến hoạt động dạy, học, kiểm tra đánh giá ngày càng phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần, góp phần đạt chuẩn đầu ra của CTĐT cho người học; đầu tư trang bị phòng thực hành tiếng cho người học; lưu ý đến các nghiên cứu cải tiến, phát triển CTĐT trong nghiên cứu khoa học; xem xét phân công trách nhiệm chủ trì toàn bộ hoạt động khảo sát sự phản hồi của các bên liên quan cho đơn vị chuyên trách để hoạt động thống nhất và quản lý dữ liệu tập trung và xây dựng kế hoạch cải tiến mang tính bao quát, toàn diện; xây dựng kế hoạch tổng thể cải tiến chất lượng và đánh giá hiệu quả cải tiến sau hoạt động khảo sát hàng năm.

11. Thực hiện đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học theo hướng tăng quy mô các cơ sở giáo dục được đối sánh, xây dựng báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học tham gia CTĐT và đề xuất các biện pháp cải tiến phù hợp; khảo sát ý kiến phản hồi từ người học và cựu người học về tính hiệu quả của các giải pháp hỗ trợ sinh viên tốt nghiệp đúng thời gian quy định để có cơ sở tiếp tục điều chỉnh, đề xuất các giải pháp phù hợp giúp người học thực hiện hiệu quả khả năng tốt nghiệp đúng thời hạn học tập và giảm thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT; phân tích, đánh giá kết quả đối sánh tỷ lệ người học tốt nghiệp CTĐT có việc làm trong nội bộ cơ sở giáo dục và các cơ sở giáo dục trong nước, khu vực để đề xuất những giải pháp phù hợp cho hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT và hỗ trợ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp; có giải pháp cụ thể, phù hợp để lựa chọn một số cơ sở giáo dục trong và ngoài nước có cùng CTĐT cho hoạt động đối sánh về loại hình, số lượng nghiên cứu khoa học sinh viên, kết quả đối sánh cần được phân tích, đánh giá để sử dụng cho hoạt động cải tiến số lượng, chất lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên; thực hiện khảo sát các bên liên quan ngoài trường (cựu người học, nhà sử dụng lao động) thường xuyên/định kỳ về mức độ hài lòng đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ, tổ chức hoạt động đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan trong nội bộ Nhà trường và giữa CTĐT của cơ sở giáo dục với CTĐT của các cơ sở giáo dục khác.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.